TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29-5-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Thanh Sang;

bà Phan Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: ông Quách Thuận An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: ông Lê Trần Long- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 về "ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1982; nơi cư trú: số 36, tổ 03, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* ông Võ Minh Tr, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/02/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: bà L chung sống với ông Tr vào năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung: Võ Thị Mỹ L1, sinh ngày 20/7/1999, Võ Quang L2, sinh ngày 10/10/2001, Võ Quang V, sinh ngày 09/3/2010.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, gây gổ khi ông Tr có rượu. Vì vậy, bà L yêu cầu ly hôn ông Tr; không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con Võ Quang L2, Võ Thị Mỹ L1 do thành niên và có khả năng lao động;

chấp nhận cho ông Tr trực tiếp nuôi con Võ Quang V; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: bà L, ông Tr sống chung với nhau từ năm 1999, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện nên hôn nhân của ông, bà không được pháp luật thừa nhận, bảo vệ.

Việc giao con chưa thành niên cho vợ, chồng chăm sóc, nuôi dưỡng cần xem đến nguyện vọng của con. Hiện tại, cháu Võ Quang V, sinh ngày 09/3/2010 đang sống chung với ông Tr, phía bà L chấp nhận cho ông Tr nuôi dưỡng, không tranh chấp việc nuôi con nên cần ổn định cuộc sống của cháu Vinh, tiếp tục giao cho ông Tr nuôi dưỡng, ông Tr không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận khởi kiện của bà L về yêu cầu ly hôn ông Tr; Cần giao cháu Võ Quang V cho ông Tr trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Bà L có đơn khởi kiện đối với ông Tr về yêu cầu ly hôn do không đăng ký kết hôn. Ông Tr có nơi cư trú tại ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án "ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà L yêu cầu ly hôn ông Tr do vợ chồng không còn tình cảm và không đăng ký kết hôn. Theo lời khai của bà L và tại văn bản số 37/UBND-HT ngày 19/4/2024 của Ủy ban nhân dân xã K, văn bản số 122/UBND ngày 12/4/2024 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C xác định: "bà L và ông Tr không có đăng ký kết hôn từ năm 1999 đến nay". Mặt khác, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Tr nhưng không có văn bản ý kiến, vắng mặt không có lý do thì xem như đã bỏ mặc việc tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm.

[3] Như vậy, Tòa án xác định vợ chồng bà L, ông Tr chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ nhân thân của vợ, chồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà L, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông Tr.

[4] Khi ly hôn, theo ý kiến của bà L, chấp nhận giao con Võ Quang V cho ông Tr trực tiếp nuôi dưỡng, đây là ý kiến tự định đoạt của bà L, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Mặt khác, theo lời khai của bà L, nguyện vọng của trẻ thì thấy ông Tr đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ, sống ổn định, gắn bó thân thiết với ông Tr, trẻ được quan tâm, chăm sóc tốt. Đồng thời, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con Võ Thị Mỹ L1, Võ Quang V do con đã thành niên và có khả năng lao động.

[5] Theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án chấp nhận ý kiến của bà L, giao con Võ Quang V, sinh ngày 09/3/2010 cho ông Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi ly hôn, ông Tr phải tạo điều kiện thuận lợi cho bà L thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[6] Ông Tr không yêu cầu cấp dưỡng cho con, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Tòa án không xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về án phí sơ thẩm: bà L phải chịu án phí ly hôn không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn ông Võ Minh Tr.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và Võ Minh Trường.

Giao con Võ Quang V, sinh ngày 09/3/2010 cho ông Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; ông Tr không yêu cầu bà L cấp

dưỡng cho con; bà L không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí sơ thẩm: bà L phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0015032 ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

3. Bà L, ông Tr vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tâm Nhân